

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN DẦU KHÍ ĐÔNG ĐÔ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022
(đã được soát xét)



WE ARE AN INDEPENDENT MEMBER OF
THE GLOBAL ADVISORY AND ACCOUNTING NETWORK

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 – 03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 – 05
Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được soát xét	06 – 41
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ	06 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ	12 – 41

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên	
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên	
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên	
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phan Minh Tâm	Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Dung	Phó Giám đốc
Ông Ngô Duy Chính	Phó Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban	
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
Bà Nguyễn Minh Chi	Thành viên	(miễn nhiệm ngày 28/04/2022)
Bà Lê Thị Hải Hà	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Thành viên	(bổ nhiệm ngày 28/04/2022)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính giữa niên độ cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do

nhằm lẫn;

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc 


Phan Minh Tâm

Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô được lập ngày 14/08/2022, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra kết luận kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

Tại Báo cáo kiểm toán số 280322.061/BCTC.KT5 ngày 28/03/2022 về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021, chúng tôi đã đưa ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với việc không đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi của các khoản công nợ phải thu, phải trả, vốn góp đầu tư và giá trị thuần có thể thực hiện được của một số công trình xây lắp. Các vấn đề này vẫn chưa được Công ty xử lý, khắc phục do đó chúng tôi tiếp tục đưa kết luận ngoại trừ đối với Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022, cụ thể như sau:

Các khoản công nợ chưa được đối chiếu xác nhận đầy đủ, cụ thể: nợ phải thu tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 với giá trị lần lượt là 62,83 tỷ VND và 32,18 tỷ VND; nợ phải trả tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 với giá trị lần lượt là: 49,72 tỷ VND và 30,44 tỷ VND. Khoản nợ phải thu tồn đọng tại ngày 30/06/2022 là 51,2 tỷ chưa được công ty xem xét và đánh giá khả năng trích lập dự phòng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được tính hiện hữu, khả năng thu hồi cũng như số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần trích lập đối với các khoản công nợ này.

Công ty đang theo dõi khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần PEC Hà Nội trên chỉ tiêu "Tài sản ngắn hạn khác" (xem thuyết minh 13a) tại thời điểm 01/01/2022 và 30/06/2022 với giá trị là 3 tỷ đồng. Chúng tôi không thu thập được các tài liệu cần thiết để đánh giá được tính hiện hữu cũng như số dự phòng có thể phải trích lập đối với khoản góp vốn đầu tư vào công ty này tại các thời điểm tương ứng.

Chúng tôi không đánh giá được chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá trị thuần có thể thực hiện được, số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần trích lập đối với các công trình Nhiệt điện Thái Bình 2, Nhiệt điện sông Hậu 1 và chung cư Trần Anh - Long An, Thị công nhà đa năng quận 1. Giá trị dở dang của 04 công trình này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Hàng tồn kho" của Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 với giá trị lần lượt là 65,74 tỷ VND và 59,456 tỷ VND (xem thuyết minh 9).

Chúng tôi không xác định được giá trị hợp lý, khả năng thu hồi và dự phòng cần trích lập đối với khoản vốn góp đầu tư vào dự án Dolphin Plaza. Khoản vốn góp này đang được theo dõi trên chỉ tiêu "Tài sản dài hạn khác" của Bảng Cân đối kế toán tại ngày 01/01/2022 và 30/06/2022 với cùng số tiền là 37,1 tỷ VND (xem thuyết minh 13b).

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề được mô tả tại đoạn "Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ", chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, và kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.



Đỗ Thị Ngọc Dung

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0659-2018-002-1

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		240.393.552.751	242.493.696.424
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	18.298.052.974	21.830.162.655
111	1. Tiền		6.998.052.974	10.530.162.655
112	2. Các khoản tương đương tiền		11.300.000.000	11.300.000.000
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4	52.420.000.000	52.420.000.000
121	1. Chứng khoán kinh doanh		300.000.000	300.000.000
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		52.120.000.000	52.120.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		81.477.901.595	77.163.013.185
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	56.785.714.141	52.090.898.737
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	10.065.824.771	9.464.142.823
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	39.553.526.515	42.535.135.457
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(24.927.163.832)	(26.927.163.832)
140	IV. Hàng tồn kho	9	79.583.436.460	82.641.705.978
141	1. Hàng tồn kho		79.583.436.460	82.641.705.978
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		8.614.161.722	8.438.814.606
152	1. Thuế GTGT được khấu trừ		5.531.534.522	5.438.814.606
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	82.627.200	-
155	3. Tài sản ngắn hạn khác	13	3.000.000.000	3.000.000.000



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022
(tiếp theo)


Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		85.647.803.360	86.238.422.693
220	I. Tài sản cố định		15.602.511.260	15.931.161.999
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	15.602.511.260	15.931.161.999
222	- Nguyên giá		27.652.162.931	27.652.162.931
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(12.049.651.671)	(11.721.000.932)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	- Nguyên giá		140.846.000	140.846.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(140.846.000)	(140.846.000)
230	II. Bất động sản đầu tư	12	11.875.686.480	12.054.639.166
231	- Nguyên giá		15.032.025.756	15.032.025.756
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(3.156.339.276)	(2.977.386.590)
250	III. Đầu tư tài chính dài hạn	4	21.069.065.886	21.152.081.794
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		45.428.000.000	45.428.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(24.358.934.114)	(24.275.918.206)
260	IV. Tài sản dài hạn khác		37.100.539.734	37.100.539.734
268	1. Tài sản dài hạn khác	13	37.100.539.734	37.100.539.734
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		326.041.356.111	328.732.119.117

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2022	01/01/2022
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		97.217.600.510	103.358.724.595
310	I. Nợ ngắn hạn		97.217.600.510	103.358.724.595
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	31.680.911.678	37.456.260.884
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	10.895.812.201	11.216.355.340
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	64.796.165	79.844.379
314	4. Phải trả người lao động		1.955.685.618	2.451.168.755
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	4.663.479.514	4.663.479.514
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	18	47.925.769.383	47.448.169.772
322	7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		31.145.951	43.445.951
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		228.823.755.601	225.373.394.522
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	228.823.755.601	225.373.394.522
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		500.000.000.000	500.000.000.000
411a	<i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>		<i>500.000.000.000</i>	<i>500.000.000.000</i>
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		18.344.727.377	18.344.727.377
420	3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		5.531.782.406	5.531.782.406
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(295.052.754.182)	(298.503.115.261)
421a	<i>LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>		<i>(298.503.115.261)</i>	<i>(299.420.357.916)</i>
421b	<i>LNST chưa phân phối năm nay</i>		<i>3.450.361.079</i>	<i>917.242.655</i>
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		326.041.356.111	328.732.119.117


Bùi Hồng Thái
Người lập biểu


Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng





Phan Minh Tâm
Giám đốc
Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ


Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	21	22.211.032.945	5.235.587.489
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		22.211.032.945	5.235.587.489
11	3. Giá vốn hàng bán	22	16.777.760.972	4.687.373.982
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		5.433.271.973	548.213.507
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23	1.588.335.436	17.447.559
22	6. Chi phí tài chính	24	83.015.908	179.516.285
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	265.783.000
25	7. Chi phí bán hàng		155.438.498	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.994.262.673	4.499.430.129
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.788.890.330	(4.113.285.348)
31	10. Thu nhập khác		43.713.805	122.183.138
32	11. Chi phí khác	26	382.243.056	-
40	12. Lợi nhuận khác		(338.529.251)	122.183.138
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		3.450.361.079	(3.991.102.210)
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện	27	-	-
60	15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		<u>3.450.361.079</u>	<u>(3.991.102.210)</u>
70	16. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	28	69	(80)


Bùi Hồng Thái
Người lập biểu


Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng




Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		3.450.361.079	(3.991.102.210)
	2. Điều chỉnh cho các khoản		(1.409.380.667)	814.504.135
02	- Khấu hao tài sản cố định và Bất động sản đầu tư		507.603.425	569.411.152
03	- Các khoản dự phòng		(1.916.984.092)	(3.242.458)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	(17.447.559)
06	- Chi phí lãi vay		-	265.783.000
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		2.040.980.412	(3.176.598.075)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(2.407.608.326)	(3.546.903.886)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		3.058.269.518	(3.489.488.488)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(6.141.124.085)	17.899.137.797
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		-	7.275.000
14	- Tiền lãi vay đã trả		-	(265.783.000)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(82.627.200)	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		-	(58.500.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(3.532.109.681)	7.369.139.348
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
27	1. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		-	17.447.559
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		-	17.447.559
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		-	135.250.000
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		-	(9.731.500.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	(9.596.250.000)


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

(Theo phương pháp gián tiếp)

(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu	6 tháng đầu
			năm 2022	năm 2021
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(3.532.109.681)	(2.209.663.093)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		21.830.162.655	6.231.849.652
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	18.298.052.974	4.022.186.559



Bùi Hồng Thái
Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
Kế toán trưởng



Phan Minh Tâm
Giám đốc

Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (trước đây là Công ty Cổ phần Bất động sản Tài chính Dầu khí Việt Nam) là Công ty Cổ phần được thành lập theo nghị quyết số 1771/NQ-DKVN ngày 08/06/2007 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam và hoạt động theo Giấy đăng ký kinh doanh số 0103017950 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 15/06/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 07 tháng 07 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại : Tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza, số 28 Trần Bình, phường Mỹ Đình 2, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 500.000.000.000 đồng; tương đương 50.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2022 là: 32 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2022 là: 35 người).

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, tư vấn xây lắp các công trình.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản, đấu giá bất động sản, quảng cáo bất động sản, quản lý bất động sản;
- Kinh doanh vật tư thiết bị phục vụ cho các công trình xây dựng, trang thiết bị nội, ngoại thất, cấp thoát nước, môi trường, hạ tầng kỹ thuật hạ tầng cơ sở;
- Lập dự án đầu tư, xây dựng các dự án nhà ở, văn phòng, khách sạn, trung tâm thương mại, siêu thị, khu đô thị mới, khu công nghiệp, khu kinh tế, khu công nghệ cao;
- Tư vấn xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường (không bao gồm các dịch vụ thiết kế công trình);
- Tổng thầu EPC các công trình công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật, môi trường;
- Ủy thác và nhận ủy thác đầu tư;
- Thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản (trừ các loại Nhà nước cấm);
- Mua bán, xuất nhập khẩu khoáng sản, vật tư, thiết bị, nguyên phụ liệu và các hoạt động khác phục vụ khai thác, chế biến khoáng sản;
- Kinh doanh điện năng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính giữa niên độ

Trong kỳ kế toán bán niên 2022, tình hình công ty được phần nào cải thiện, Công ty đã quyết toán được công trình khu thể thao nhà đa năng Quận 1 với giá trị 1,8 tỷ. Bên cạnh đó Công ty cũng nghiệm thu 2 đợt dự án nhiệt điện Thái Bình với tổng giá trị 7,1 tỷ và Công ty cũng thực hiện chuyển nhượng được thửa đất Lương Sơn với tổng giá trị 8,5 tỷ. Qua đó dẫn đến việc doanh thu, giá vốn 6 tháng đầu năm 2022 tăng mạnh so cùng kỳ năm trước.

Tại thời điểm 30/06/2022, Công ty có các khoản nợ phải trả nhà cung cấp đã quá hạn thanh toán số tiền 25,8 tỷ; phải trả tiền cổ tức chưa trả số tiền 45,4 tỷ, lỗ lũy kế của Công ty là 295,02 tỷ VND. Những sự kiện này cho thấy

sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022 vẫn được trình bày trên cơ sở giả định về khả năng hoạt động liên tục vì lý do sau:

- Trong kỳ, Công ty đã thu hồi thêm được 5 tỷ VND công nợ của Công ty Cổ phần Hasky và tiếp tục làm việc để đưa ra phương án thu hồi hết khoản nợ này trong thời gian sắp tới.
- Trong kỳ lợi nhuận trước thuế công ty đạt 3,45 tỷ biểu hiện sự tích cực trong cải thiện kinh doanh.
- Trong kỳ doanh thu tăng trưởng gấp 4,2 lần, hàng tồn kho tồn đọng giảm 6,28 tỷ so với cùng kỳ năm ngoái nhờ việc nghiệm thu 2 đợt dự án Thái Bình, quyết toán dự án nhà đa năng quận 1, và bán được thửa đất ở Lương Sơn.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Văn phòng Công ty	Hà Nội	Xây dựng và kinh doanh bất động sản
Chi nhánh miền Nam	Hồ Chí Minh	Xây dựng và kinh doanh bất động sản

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các báo cáo tài chính của các đơn vị thành viên hạch toán độc lập và của Văn phòng Công ty.

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

2.4. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định cụ thể về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.6. Các khoản đầu tư tài chính

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc, bao gồm: Giá mua cộng các chi phí mua (nếu có) như chi phí môi giới, giao dịch, cung cấp thông tin, thuế, lệ phí và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Khi thanh lý hoặc nhượng bán, giá vốn của chứng khoán kinh doanh được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước/hoặc phương pháp bình quân gia quyền.

Các khoản đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư chứng khoán kinh doanh: căn cứ trích lập dự phòng là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.

2.7. Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.9. Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	42 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 20 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
- Phần mềm kế toán	03 - 10 năm

2.10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc 42 năm

2.11. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC.

2.13. Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14. Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả, chi phí các dự án, công trình xây dựng được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15. Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

2.16. Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu bán bất động sản

Doanh thu bán bất động sản được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng, các khoản tiền thưởng và các khoản thanh toán khác chỉ được tính vào doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc trích trước chi phí để tạm tính giá vốn bất động sản nếu có đảm bảo các nguyên tắc sau:

- Chỉ trích trước đối với các khoản chi phí đã có trong dự toán đầu tư, xây dựng nhưng chưa có đủ hồ sơ, tài

liệu để nghiệm thu khối lượng;

- Chi trích trước chi phí để tạm tính giá vốn hàng bán cho phần bất động sản đã hoàn thành bán trong kỳ và đủ điều kiện ghi nhận doanh thu;
- Số chi phí trích trước và chi phí thực tế được ghi nhận vào giá vốn hàng bán phải đảm bảo tương ứng với định mức giá vốn tính theo tổng chi phí dự toán của phần hàng hóa bất động sản đã bán (được xác định theo diện tích).

2.18. Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

b) Thuế suất thuế TNDN hiện hành

Công ty hiện đang áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2022 đến ngày 30/06/2022.

2.20. Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

2.21. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.22. Thông tin bộ phận

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản và các hoạt động xây lắp phụ trợ, các hoạt động khác chiếm tỷ trọng không đáng kể (dưới 10%) trong kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và trong tổng giá trị tài sản. Đồng thời, toàn bộ hoạt động của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Tiền mặt	1.550.446.296	1.441.807.220
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.447.606.678	9.088.355.435
Các khoản tương đương tiền	11.300.000.000	11.300.000.000
	18.298.052.974	21.830.162.655

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2022, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng - 3 tháng có tổng giá trị 11.300.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP CP Đại chúng Việt Nam lãi suất 3%/năm - 3,8%/năm.

4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	52.120.000.000	-	52.120.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn	52.120.000.000	-	52.120.000.000	-
	52.120.000.000	-	52.120.000.000	-

⁽ⁱ⁾ Tại ngày 30/06/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng có tổng giá trị 52.120.000.000 VND được gửi tại Ngân hàng TMCP CP Đại chúng Việt Nam với lãi suất từ 5,2% - 5,6%/năm.

b) Chứng khoán kinh doanh

	Mã chứng	30/06/2022		01/01/2022	
		Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
		VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị cổ phiếu					
- Công ty Cổ phần Sông Đà Cao Cường	SCL	144.400.000	-	144.400.000	-
- Công ty Cổ phần SDP	SDP	155.600.000	-	155.600.000	-
		300.000.000	-	300.000.000	-

Đây là số cổ phiếu mà Công ty nhận ủy thác từ các cá nhân trước đây từng làm việc tại Công ty theo các hợp đồng ủy thác. Theo đó, các cá nhân này chuyển tiền để Công ty thực hiện giao dịch mua bán cổ phiếu, phần lãi (lỗ) từ khoản đầu tư chứng khoán sẽ trực tiếp thuộc về các cá nhân nêu trên. Do đó, Công ty không xác định giá trị hợp lý theo giá thị trường tại thời điểm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ của các khoản đầu tư tài chính này. Số tiền Công ty nhận ủy thác của các cá nhân được theo dõi trên khoản mục phải trả khác (chi tiết tại thuyết minh 18), cụ thể như sau:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Lê Văn Sinh	75.000.000	75.000.000
Trần Anh Đức	75.000.000	75.000.000
Trần Quốc Trường	150.000.000	150.000.000
	300.000.000	300.000.000

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Các khoản đầu tư khác	45.428.000.000	(24.358.934.114)	45.428.000.000	(24.275.918.206)
- Công ty Cổ phần Tây Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty Cổ phần dầu khí Bình Sơn	22.100.000.000	(4.299.398.427)	22.100.000.000	(4.216.382.519)
- Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	328.000.000	(59.535.687)	328.000.000	(59.535.687)
- Công ty Cổ phần khách sạn Lam Kinh	20.000.000.000	(20.000.000.000)	20.000.000.000	(20.000.000.000)
	45.428.000.000	(24.358.934.114)	45.428.000.000	(24.275.918.206)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Tây Hà Nội	Ngõ Máy Kéo, Khu Liên Cơ, phường Cầu Diễn, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội	11,90%	11,90%	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng
Công ty Cổ phần dầu khí Bình Sơn	Số 33 Hai Bà Trưng, Lê Hồng Phong, Quảng Ngãi	6,05%	6,05%	Xây dựng công nghiệp và dân dụng trong và ngoài ngành dầu khí, buôn bán các mặt hàng trong ngành xây dựng, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng	Số 44-46 Lê Thánh Tôn, phường Lộc Thọ, Nha Trang, Khánh Hòa	6,56%	6,56%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu hoặc đi thuê
Công ty Cổ phần khách sạn Lam Kinh	KĐT Đông Hương, phường Đông Hương, TP. Thanh Hóa	10,50%	10,50%	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày

5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn				
Công ty Cổ phần TID ⁽¹⁾	19.604.536.064	(2.156.107.213)	19.604.536.064	(2.156.107.213)
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long ⁽²⁾	7.830.000.000	-	7.830.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc ⁽²⁾	3.450.000.000	-	3.450.000.000	-
Ngân hàng TMCP Phát triển Nhà thành phố Hồ Chí Minh - CN Hoàn Kiếm ⁽²⁾	1.897.500.000	-	1.897.500.000	-
Ban điều hành dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	8.348.538.020	-	5.884.156.966	-
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.453.487.908	-	2.453.487.908	-
Các đối tượng khác	13.201.652.149	(3.269.148.569)	10.971.217.799	(3.269.148.569)
	56.785.714.141	(5.425.255.782)	52.090.898.737	(5.425.255.782)
b) Trong đó: Phải thu của khách hàng là các bên liên quan				
	19.229.903.757	-	16.765.522.703	-

(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)

⁽¹⁾ Khoản phải thu tiền hoa hồng môi giới liên quan đến hợp đồng cung cấp dịch vụ môi giới số 239/HDDV/TID-PVFC Land ngày 09/08/2010 và Phụ lục 01 kèm theo thuộc Dự án Dolphin Plaza ký giữa Sàn giao dịch bất động sản của Công ty với Công ty Cổ phần TID ("TID"). Tỷ lệ hoa hồng môi giới Công ty được hưởng là 10% trên giá trị mua bán căn hộ trước thuế. Trong đó, TID sẽ thanh toán trước theo tiến độ nộp tiền của khách hàng tương ứng tỷ lệ 2%, phần còn lại sẽ được thanh toán khi quyết toán dự án. Theo Biên bản làm việc ngày 03/03/2020, TID sẽ thực hiện thống nhất số liệu, hoàn thành công tác kiểm toán dự án Dolphin Plaza. Đến thời điểm 30/06/2022, dự án vẫn chưa quyết toán, do đó Công ty chỉ trích lập dự phòng cho khoản phải thu tương ứng với 2% giá trị mua bán căn hộ đã ký hợp đồng.

⁽²⁾ Khoản phải thu về giá trị thương quyền theo thỏa thuận tại Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 61/2009/BCC ngày 25/12/2009 mà Công ty phải thu của ba đơn vị này khi quy hoạch xây dựng tỷ lệ 1/500 của Dự án Tòa nhà Văn phòng tại số 160 Trần Quang Khải, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội ("Dự án") được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, hoặc khi Dự án được cấp phép đầu tư.

Tuy nhiên, Công ty và Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long đã ký hợp đồng số 01/HĐCN/DKĐĐ-PL ngày 04/01/2017 về việc chuyển nhượng quyền vốn góp của Công ty tại dự án này sang cho Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long. Theo đó, Công ty Cổ phần Phú Long cam kết sẽ thanh toán 50% phần giá trị thương quyền còn lại của ba đơn vị cho Công ty sau khi Nhà in báo Nhân dân (Chủ đầu tư) ký hợp đồng hợp tác trực tiếp với Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long (hoặc một pháp nhân do Phú Long chỉ định), 50% còn lại sau khi quy hoạch 1/500 của Dự án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Sông Đà Thăng Cty TNHH Dây và Cáp điện Trường Thịnh	520.000.000	(520.000.000)	520.000.000	(520.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế Giám sát và Xây Dựng BTN	245.000.000	-	245.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Thương mại Trung Nam	221.297.500	-	221.297.500	-
Công ty TNHH Đầu Tư Ong Vàng	61.998.085	-	61.998.085	-
Công ty Cổ phần GEOVIETNAM ⁽¹⁾	213.215.682	-	213.215.682	-
Các đối tượng khác	7.056.000.000	-	7.056.000.000	-
	1.748.313.504	(80.564.800)	1.146.631.556	(80.564.800)
	10.065.824.771	(600.564.800)	9.464.142.823	(600.564.800)

⁽¹⁾ Khoản tiền đã trả cho Công ty Cổ phần GEOVIETNAM để đặt cọc giữ chỗ theo Hợp đồng đặt cọc giữ chỗ số 3011/2021/HĐĐKĐC-GEO-DKĐĐ ngày 30/11/2021 thực hiện Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại thôn 6, xã Triệu Khánh, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

7. PHẢI THU KHÁC

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Ký cược, ký quỹ	305.700.212	-	355.965.895	-
Tạm ứng	18.439.055.579	-	17.655.492.925	-
Phải thu khác	20.808.770.724	(18.901.343.250)	24.523.676.637	(20.901.343.250)
- Công ty Cổ phần Hasky ⁽¹⁾	13.600.000.000	(13.600.000.000)	18.600.000.000	(15.600.000.000)
- Ứng vốn cho dự án liên doanh với Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	(5.000.000.000)	5.000.000.000	(5.000.000.000)
- Lãi phải thu Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - CN	1.385.917.479	-	-	-
- Các khoản phải thu	822.853.245	(301.343.250)	923.676.637	(301.343.250)
	39.553.526.515	(18.901.343.250)	42.535.135.457	(20.901.343.250)

⁽¹⁾ Đây là khoản phải thu Công ty Cổ phần Hasky (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hòa Bình) theo Biên bản thanh lý hợp đồng hợp tác kinh doanh số 60/2017/BBTL ngày 25/08/2017. Cụ thể:
- Công ty đã rút vốn khỏi dự án “Khu du lịch sinh thái và dịch vụ Cừu Long” và Công ty Cổ phần Hasky chấp nhận trả toàn bộ số tiền 46 tỷ VND mà Công ty đã góp vào dự án.

- Trong năm Công ty đã thu lại được của Công ty Cổ phần Hasky 5 tỷ VND. Số dư còn phải thu tại ngày 30/06/2022 liên quan đến dự án này là 13,6 tỷ VND.
- Ban giám đốc Công ty đã có kế hoạch làm việc với Công ty Cổ phần Hasky để có phương án sớm thu hồi khoản công nợ nói trên.

8. NỢ XẤU

Các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Hasky	13.600.000.000	-	18.600.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần TID	19.604.536.064	17.448.428.851	19.604.536.064	17.448.428.851
Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	1.458.245.941	-	1.458.245.941	-
Công ty Cổ phần Thiên Phúc Gia	5.000.000.000	-	5.000.000.000	-
Các đối tượng khác	2.712.810.678	-	2.712.810.678	-
	42.375.592.683	17.448.428.851	47.375.592.683	20.448.428.851

9. HÀNG TỒN KHO

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang ⁽ⁱ⁾	74.787.072.870	-	76.336.879.449	-
Hàng hoá bất động sản	1.931.706.529	-	6.304.826.529	-
<i>Căn hộ Dragon Hill</i>	<i>1.931.706.529</i>	-	<i>1.931.706.529</i>	-
<i>Quyền sử dụng đất và tài sản gắn với đất tại xã Nhuận Trạch, Lương Sơn, Hòa Bình</i>	-	-	<i>4.373.120.000</i>	-
Hàng hóa	2.864.657.061	-	-	-
	79.583.436.460	-	82.641.705.978	-

(i) Chi tiết Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang như sau:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Dự án Nhà máy nhiệt điện Thái Bình 2 ⁽¹⁾	25.866.104.145	31.395.813.808
- Dự án Nhiệt điện sông Hậu 1 ⁽²⁾	15.530.110.578	15.530.110.578
- Dự án Chung cư Trần Anh - Long An ⁽³⁾	18.060.509.541	17.915.451.604
- Thi công nhà đa năng quận 1	-	898.386.539
- Công trình Hàm Cường ⁽⁴⁾	5.928.261.370	5.844.693.208
- Công trình Lào Cai 2 ⁽⁵⁾	5.840.203.226	1.502.854.470
- Các dự án khác	3.561.884.010	3.249.569.242
	74.787.072.870	76.336.879.449

(1) Công ty đã ký hợp đồng thi công xây lắp với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC) bao gồm 03 hợp đồng là Hợp đồng số 0101/HĐTC/CNPB-PVC Đông Đô ngày 16/06/2015, Hợp đồng số 32/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô và Hợp đồng số 38/2016/HĐKT/PVC/PVC Đông Đô ngày 25/07/2016, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà điều khiển, gia cố tuyến đê và các công trình phụ trợ;
- Tổng giá trị các hợp đồng: 169.236.587.336 VND;
- Tiến độ thi công: Đã thực hiện được trên 50% giá trị theo Hợp đồng;
- Tình trạng dự án: Trong kỳ công ty đã nghiệm thu đợt 21 và đợt 22 với tổng giá trị là 7.136.689.620 VND.

(2) Công ty đã ký hợp đồng số XD02C/SH1-PVC-PVC.Đông Đô ngày 10/10/2016 với Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Việt nam (PVC), trong đó:

- Phạm vi công việc: Gia công lắp dựng cốt thép móng, các hạng mục bê tông sàn và một số hạng mục phụ khác;
- Tổng giá trị hợp đồng: 24.153.652.936 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Dự án phát sinh một số hạng mục ngoài dự toán ban đầu không có trong thiết kế, đang trong quá trình quyết toán phần khối lượng ngoài hợp đồng.

(3) Công ty đã ký các Hợp đồng thi công xây lắp với Công ty Cổ phần Bất động sản Trần Anh Long An, trong đó:

- Phạm vi công việc: Xây dựng nhà phố thương mại và Block chung cư ;
- Tổng giá trị hợp đồng: 107.156.841.708 VND;
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành.
- Tình trạng dự án: Dự án đang trong quá trình quyết toán với chủ đầu tư.

Tính đến ngày 30/06/2022, hợp đồng và dự toán cho các công trình này vẫn đang được xem xét, điều chỉnh nên Ban giám đốc chưa đánh giá được các công trình này có cần thiết phải trích lập dự phòng hay không.

(4) Công ty đã ký Hợp đồng thi công xây lắp số 093/2021/EEA-PVCĐĐ với Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện và Tự động hóa Đà Nẵng, Trong đó:

- Phạm vi công việc: Thi công công trình: “Trạm biến áp 110KV Hàm Cường 2” theo đúng hồ sơ thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt, gồm các hạng mục công trình sau: Công tác chuẩn bị mặt bằng thi công, thi công xây dựng kè, thi công trạm biến áp, thi công xây dựng nhà điều khiển.
- Tổng giá trị hợp đồng: 9.192.497.788 VND
- Tiến độ thi công: Đã hoàn thành, dự kiến bàn giao, quyết toán trong quý IV/2022.

- ⁽⁵⁾ Công ty đã ký Hợp đồng thi công xây lắp số 08/VNECO4-PVCĐĐ ngày 09 tháng 11 năm 2020 với Công ty Cổ phần xây dựng điện VNECO4, Trong đó
- Phạm vi công việc: Thi công công trình “Lào Cai 2” theo đúng hồ sơ thiết kế được Chủ đầu tư phê duyệt
 - Tổng giá trị hợp đồng: 14.899.602.327 VND
 - Tiến độ thi công: Đã hoàn thành, quyết toán trong quý 3/2022.

25.
TY
HỮU
TỔ
ĐC
TP
M.S.D.

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	19.670.699.771	413.000.000	3.824.891.419	3.743.571.741	27.652.162.931
Số dư cuối kỳ	19.670.699.771	413.000.000	3.824.891.419	3.743.571.741	27.652.162.931
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	3.966.705.479	413.000.000	3.597.723.712	3.743.571.741	11.721.000.932
- Khấu hao trong kỳ	250.932.140	-	77.718.599	-	328.650.739
Số dư cuối kỳ	4.217.637.619	413.000.000	3.675.442.311	3.743.571.741	12.049.651.671
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	15.703.994.292	-	227.167.707	-	15.931.161.999
Tại ngày cuối kỳ	15.453.062.152	-	149.449.108	-	15.602.511.260

Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 6.223.338.842 VND.

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là Chương trình phần mềm với Nguyên giá tại ngày 01/01/2022 và ngày 30/06/2022 là 140.846.000 VND, tài sản này đã khấu hao hết.

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

a) Bất động sản đầu tư cho thuê

	Văn phòng cho thuê VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	15.032.025.756	15.032.025.756
Số dư cuối kỳ	15.032.025.756	15.032.025.756
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	2.977.386.590	2.977.386.590
- Khấu hao trong kỳ	178.952.686	178.952.686
Số dư cuối kỳ	3.156.339.276	3.156.339.276
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	12.054.639.166	12.054.639.166
Tại ngày cuối kỳ	11.875.686.480	11.875.686.480

13. TÀI SẢN KHÁC

	30/06/2022 VND	01/01/2022 VND
a) Ngắn hạn		
Góp vốn vào Công ty Cổ phần PEC Hà Nội ⁽¹⁾	3.000.000.000	3.000.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000
b) Dài hạn		
Góp vốn đầu tư vào Dự án Dolphin Plaza ⁽²⁾	37.100.539.734	37.100.539.734
	37.100.539.734	37.100.539.734

⁽¹⁾ Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần PEC Hà Nội (Trước đây là Công ty Cổ phần Xây lắp điện Dầu khí) với tổng số tiền 3 tỷ VND, tương đương 6% vốn điều lệ tại Công ty này. Theo nghị quyết số 05/NQ-DKĐĐ-HĐQT ngày 20/03/2013, Công ty sẽ tìm đối tác chuyển nhượng số cổ phần trên để thu hồi vốn trong thời gian ngắn nhất. Tại thời điểm 30/06/2022, Ban giám đốc Công ty vẫn đang trong quá trình tìm kiếm khách hàng và đánh giá thận trọng, tin tưởng rằng sẽ thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ khoản đầu tư này với giá trị không thấp hơn giá gốc.

⁽²⁾ Khoản đầu tư theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh 0211/2010/HĐHTKD ngày 02/11/2010 ký giữa Công ty, Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Tài chính Dầu khí Việt Nam và Công ty Cổ phần TID ("TID"):

- Mục đích đầu tư: Xây dựng công trình Dolphin Plaza tại số 28 đường Trần Bình, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội;
- Tổng giá trị hợp đồng: 268.706.631.405 VND, trong đó vốn góp giá trị quyền sử dụng đất là 189.793.800.000 VND và góp bằng tiền là 79.033.520.990 VND;
- Hình thức góp vốn:

- + Theo cam kết trong hợp đồng, Công ty sẽ góp 51.054.259.967 VND. Trong đó, giá trị lợi thế khai thác quyền sử dụng lô đất là 36.060.822.000 VND và giá trị vốn bằng tiền là 14.993.437.967 VND tương ứng với tỷ lệ 19% khoản vốn góp bằng tiền vào dự án;
- + Ngày 18/01/2015, Công ty đã ký kết Phụ lục số 03 kèm theo của Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 0211/2010/HĐHTKD với TID để rút một phần vốn góp với giá trị 13.953.720.233 VND khỏi dự án dẫn đến tỷ lệ vốn bằng tiền còn lại là 1,6% và tổng giá trị vốn góp còn lại tại Dự án là 37.100.539.734 VND;
- Phân chia lợi ích: Công ty được chia 976 m² sàn thương mại thuộc tầng 2 của Tòa nhà Dolphin Plaza;
- Thanh toán: Công ty đã nhận chuyển nhượng 154m² phần diện tích khu dịch vụ thương mại trị giá 3.527.682.675 VND từ TID theo Phụ lục số 04 của Hợp đồng chuyển nhượng diện tích khu dịch vụ thương mại số DP/HĐ/TID-PVFC Land ký ngày 18/01/2017. Số tiền này được thanh toán bằng hình thức bù trừ công nợ với Hợp đồng hợp tác kinh doanh ban đầu (khoản rút vốn 13.953.720.233 VND đã nêu trên, thực thu về bằng tiền là 10.426.037.558 VND).
- Tình trạng dự án: Tính đến 30/06/2022, Dự án Dolphin Plaza chưa bán hết các căn hộ và chưa quyết toán. Vì vậy, Công ty chưa nhận được kết quả phân chia chính thức từ hợp đồng hợp tác kinh doanh này.

05 - C
TY
HỮU H
H TOI
SC
- 10 -

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Cổ phần TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Công ty TNHH Sen vàng Hoa Lư	-	-	2.121.894.156	2.121.894.156
Ban Điều Hành DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	520.684.580	520.684.580	1.990.778.116	1.990.778.116
Công ty TNHH Thương mại và xây dựng 769	3.768.748.384	3.768.748.384	3.768.748.384	3.768.748.384
Công ty cổ phần Sản xuất vật liệu xây dựng và thương mại dịch vụ Lâm Hải	1.725.272.010	1.725.272.010	1.775.272.010	1.775.272.010
Các đối tượng khác	13.767.098.850	13.767.098.850	15.900.460.364	15.900.460.364
	31.680.911.678	31.680.911.678	37.456.260.884	37.456.260.884
b) Số nợ quá hạn chưa thanh toán				
Công ty Cổ phần TID	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458	7.524.230.458
Công ty TNHH Thương mại dịch vụ Thiết Bị điện Hùng Vương	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396	4.374.877.396
Công ty TNHH Sen Vàng Hoa Lư	-	-	2.121.894.156	2.121.894.156
Ban Điều Hành DA Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình	520.684.580	520.684.580	1.990.778.116	1.990.778.116
Các đối tượng khác	13.447.552.130	13.447.552.130	15.630.913.644	15.630.913.644
	25.867.344.564	25.867.344.564	31.642.693.770	31.642.693.770
c) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	865.202.707	865.202.707	2.335.296.243	2.335.296.243
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)				

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động Sản Trần Anh Long An	6.329.410.934	6.329.410.934
Công ty Cổ phần điện và Tự động hóa Đà Nẵng	4.117.672.664	4.117.672.664
Các đối tượng khác	448.728.603	769.271.742
	10.895.812.201	11.216.355.340

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu	Số phải nộp	Số phải nộp	Số đã thực	Số phải thu	Số phải nộp
	đầu năm	đầu năm	trong kỳ	nộp trong kỳ	c cuối kỳ	c cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	-	191.232.484	191.232.484	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	-	82.627.200	82.627.200	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	79.844.379	24.560.165	39.608.379	-	64.796.165
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
	-	79.844.379	219.792.649	317.468.063	82.627.200	64.796.165

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Chi phí các dự án, công trình xây dựng	4.663.479.514	4.663.479.514
	4.663.479.514	4.663.479.514

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	259.243.658	323.824.454
Bảo hiểm xã hội	124.277.981	72.131.831
Bảo hiểm y tế	25.785.000	14.999.850
Bảo hiểm thất nghiệp	5.730.000	3.333.300
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	330.000.000	285.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	47.180.732.744	46.748.880.337
- Tiền cổ tức phải trả	45.408.768.816	45.408.768.816
- Nhận tiền ủy thác mua cổ phiếu ⁽¹⁾	300.000.000	300.000.000
- Các khoản phải trả khác	1.471.963.928	1.040.111.521
	47.925.769.383	47.448.169.772
Số nợ quá hạn chưa thanh toán		
- Tiền cổ tức phải trả	45.408.768.816	45.408.768.816
	45.408.768.816	45.408.768.816

⁽¹⁾ Chi tiết đã được trình bày tại thuyết minh số 4b.

1111
CÔNG
H NHIE
IG KI
A/
ANK

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn CSH	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(299.420.357.916)	224.456.151.867
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	(3.991.102.210)	(3.991.102.210)
Trả thù lao của Hội đồng quản trị	-	-	-	(54.000.000)	(54.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(303.465.460.126)	220.411.049.657
Số dư đầu năm nay	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(298.503.115.261)	225.373.394.522
Lãi trong kỳ này	-	-	-	3.450.361.079	3.450.361.079
Số dư cuối kỳ này	500.000.000.000	18.344.727.377	5.531.782.406	(295.052.754.182)	228.823.755.601

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2022	Tỷ lệ	01/01/2022	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam	174.334.750.000	34,87%	174.334.750.000	34,87%
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc	25.000.000.000	5,00%	25.000.000.000	5,00%
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	33.960.000.000	6,79%	33.960.000.000	6,79%
Bà Hà Thị Thông	10.000.000.000	2,00%	10.000.000.000	2,00%
Các cổ đông khác	256.705.250.000	51,34%	256.705.250.000	51,34%
	500.000.000.000	100%	500.000.000.000	100%

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	500.000.000.000	500.000.000.000
- Vốn góp cuối kỳ	500.000.000.000	500.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	45.408.768.816	45.408.768.816
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối kỳ	45.408.768.816	45.408.768.816

d) Cổ phiếu

	30/06/2022	01/01/2022
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	50.000.000	50.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	50.000.000	50.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	18.344.727.377	18.344.727.377
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	5.531.782.406	5.531.782.406
	23.876.509.783	23.876.509.783

20. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho Công ty TNHH TAC và Công ty Cổ phần Công nghệ Cloudify Việt Nam thuê một phần diện tích thuộc tầng 2, Tòa nhà Dolphin Plaza làm văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động số 03/12/2013/HĐ/DKĐĐ ngày 03/12/2013 cùng phụ lục Hợp đồng số 06 ngày 30/12/2021 với thời hạn 01 năm từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 31/12/2022 và hợp đồng số 022022/HĐTVP/DKĐĐ-CVN ngày 21/02/2022 với thời hạn 3 năm từ ngày 21/02/2022 đến hết ngày 20/02/2025. Vào ngày 30/06/2022, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	287.886.080	535.772.160
Từ 1 năm đến 5 năm	859.090.909	-

21. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán bất động sản	8.504.480.000	-
Doanh thu hoạt động xây lắp	13.194.416.928	4.844.974.136
Doanh thu cho thuê văn phòng	444.718.925	390.613.353
Doanh thu khác	67.417.092	-
	22.211.032.945	5.235.587.489
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	7.136.689.620	3.404.868.806

22. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Giá vốn bán bất động sản	4.373.120.000	-
Giá vốn hoạt động xây lắp	12.165.930.226	4.425.397.039
Giá vốn cho thuê văn phòng	178.952.686	178.952.686
Giá vốn khác	59.758.060	-
Dự phòng Dự án Xuân Phương	-	83.024.257
	16.777.760.972	4.687.373.982
Trong đó: Giá vốn đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 32)	462.097.405	170.217.686

23. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.588.335.436	17.447.559
	1.588.335.436	17.447.559

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lãi tiền vay	-	265.783.000
Hoàn nhập/ Trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	83.015.908	(86.266.715)
	83.015.908	179.516.285

25. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	2.697.034.812	2.426.530.574
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	7.275.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định	328.650.739	390.458.466
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(2.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	706.905.568	756.289.739
Chi phí khác bằng tiền	1.257.671.554	914.876.350
	2.994.262.673	4.499.430.129

26. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Tiền chậm nộp bảo hiểm	382.243.056	-
	382.243.056	-

1110
ÔNG
NHIỆM
3 KIỂM
AAS
KIỂM

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	(680.998.921)	(3.991.102.210)
Các khoản điều chỉnh tăng	382.243.056	248.335.441
- Chi phí lãi vay không được trừ	-	248.335.441
- Phạt chậm nộp bảo hiểm	382.243.056	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(298.755.865)	(3.742.766.769)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	-	-
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	-	-
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ từ hoạt động kinh doanh chính	-	-
Thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh bất động sản		
Tổng lợi nhuận kế toán từ hoạt động kinh doanh bất động sản	4.131.360.000	
Chuyển lỗ	(4.131.360.000)	
Thu nhập chịu thuế TNDN	-	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thuế TNDN phải nộp đầu năm của HĐKD bất động sản	-	
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ của HĐKD bất động sản	(82.627.200)	
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ của HĐKD bất động sản	(82.627.200)	-
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	(82.627.200)	-

28. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	3.450.361.079	(3.991.102.210)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	3.450.361.079	(3.991.102.210)
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	50.000.000	50.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	69	(80)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2022, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập Báo cáo tài chính.



29. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Chi phí nhân công	4.747.703.447	4.397.462.624
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	-	7.275.000
Chi phí khấu hao tài sản cố định, bất động sản đầu tư	507.603.425	569.411.152
Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
Chi phí dự phòng	(2.000.000.000)	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.069.236.539	6.538.139.302
Chi phí khác bằng tiền	1.520.553.655	1.143.619.774
	13.849.097.066	12.659.907.852

30. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2022		01/01/2022	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.298.052.974	-	21.830.162.655	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	96.339.240.656	(24.326.599.032)	94.626.034.194	(26.326.599.032)
Các khoản cho vay	52.120.000.000	-	52.120.000.000	-
	166.757.293.630	(24.326.599.032)	168.576.196.849	(26.326.599.032)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Phải trả người bán, phải trả khác	79.606.681.061	84.904.430.656
Chi phí phải trả	4.663.479.514	4.663.479.514
	84.270.160.575	89.567.910.170

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản

lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác)

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	18.298.052.974	-	-	18.298.052.974
Phải thu khách hàng, phải thu khác	72.012.641.624	-	-	72.012.641.624
Các khoản cho vay	52.120.000.000	-	-	52.120.000.000
	142.430.694.598	-	-	142.430.694.598
Tại ngày 01/01/2022				
Tiền và các khoản tương đương tiền	21.830.162.655	-	-	21.830.162.655
Phải thu khách hàng, phải thu khác	68.299.435.162	-	-	68.299.435.162
Các khoản cho vay	52.120.000.000	-	-	52.120.000.000
	142.249.597.817	-	-	142.249.597.817

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

30/7
 CÔNG
 NGHỆ
 INGI
 A.
 INK

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 30/06/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	79.606.681.061	-	-	79.606.681.061
Chi phí phải trả	4.663.479.514	-	-	4.663.479.514
	84.270.160.575	-	-	84.270.160.575
Tại ngày 01/01/2022				
Phải trả người bán, phải trả khác	84.904.430.656	-	-	84.904.430.656
Chi phí phải trả	4.663.479.514	-	-	4.663.479.514
	89.567.910.170	-	-	89.567.910.170

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn

31. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỶ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ này.

32. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Công ty mẹ
Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Ban điều hành các dự án của Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	Đơn vị trực thuộc công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	Cổ đồng sáng lập
Công ty Cổ phần Tập đoàn Đầu tư Tiến Lộc	Cổ đồng sáng lập

105
C TY
NHƯ
EM T
ASC
M-1

Công ty có các giao dịch phát sinh trong kỳ và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	6 tháng đầu năm 2022	6 tháng đầu năm 2021
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	7.136.689.620	3.404.868.806
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	7.136.689.620	3.404.868.806
Mua hàng hóa dịch vụ	462.097.405	170.217.686
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	462.097.405	170.217.686

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/06/2022	01/01/2022
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	19.229.903.757	16.765.522.703
Công ty Cổ phần Đầu tư Song Kim	200.000.000	200.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	7.830.000.000	7.830.000.000
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	8.348.538.020	5.884.156.966
Chi nhánh Xây lắp Công trình Dầu khí phía Bắc - Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam	2.453.487.908	2.453.487.908
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy dầu khí	397.877.829	397.877.829
Phải trả cho người bán ngắn hạn	865.202.707	2.335.296.243
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	341.888.027	341.888.027
Ban Điều Hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	520.684.580	1.990.778.116
Ban điều hành các dự án của Tổng CTCP Xây lắp Dầu khí Việt Nam tại phía Nam	2.630.100	2.630.100



Thủ lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	6 tháng đầu	6 tháng đầu
		năm 2022	năm 2021
		VND	VND
Ông Nguyễn Anh Tuấn	Chủ tịch HĐQT	201.032.830	142.547.085
Ông Phan Minh Tâm	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc	213.373.722	148.707.871
Bà Nguyễn Thị Dung	Thành viên HĐQT kiêm Phó Giám đốc	177.824.453	129.975.228
Ông Nguyễn Khánh Trung	Thành viên HĐQT	9.000.000	18.000.000
Ông Hoàng Thanh Tùng	Thành viên HĐQT (miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	9.000.000	18.000.000
Ông Nguyễn Minh Đông	Thành viên HĐQT (bỏ nhiệm ngày 28/04/2022)	-	-
Ông Ngô Duy Chính	Phó giám đốc	159.380.592	110.072.933
Bà Nguyễn Thị Tâm	Trưởng ban Kiểm soát	153.068.411	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu	Kiểm soát viên (miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	4.500.000	-
Ông Nguyễn Minh Chi	Kiểm soát viên (miễn nhiệm ngày 28/04/2022)	4.500.000	-
Bà Lê Thị Hải Hà	Kiểm soát viên (bỏ nhiệm ngày 28/04/2022)	-	-
Bà Đỗ Nguyễn Lan Châu	Kiểm soát viên (bỏ nhiệm ngày 28/04/2022)	-	-
Ông Bùi Hồng Thái	Kế toán trưởng	151.350.200	74.545.695

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong kỳ và không có số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với Công ty.

33. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán giữa niên độ và thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính giữa niên độ đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021.



Bùi Hồng Thái
 Người lập biểu



Bùi Hồng Thái
 Kế toán trưởng




Phan Minh Tâm
 Giám đốc
 Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2022